TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 427/2023/DS-PT
Ngày: 03/11/2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Đạt

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Ngọt

Ông Nguyễn Thế Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Yến Mai – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Bà Trần Thị Kim Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án đã thụ lý số: 269/2023/TLPT-DS ngày 02 tháng 10 năm 2023 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 62/2023/DS-ST ngày 16 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3369/2023/QĐ-PT ngày 05 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:*

1.1. Bà Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1965; *(có mặt)*

1.2. Chị Lương Nguyễn Thiện Y, sinh năm 1999;

Hộ khẩu thường trú: Số 126A, B, C, phường T, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ hiện nay: Khu phố 3, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bến Tre.

- *Người đại diện theo ủy quyền của chị Lương Nguyễn Thiện Y*: Bà Nguyễn Ngọc M.

2. *Bị đơn:*

2.1. Ông Tô Đình C, sinh năm 1976;

2.2. Bà Tiêu Thúy K, sinh năm 1980;

Hộ khẩu thường trú: Ấp H, xã C, huyện D, tỉnh Cà Mau.

Địa chỉ hiện nay: Ấp 4, xã T, huyện Đ, tỉnh Bến Tre.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:* Ông Trần Chí T, sinh năm 1981; *(có mặt)*

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện Đ, tỉnh Bến Tre.

* ***Người kháng cáo*:** Bà Tiêu Thúy K là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm:

** Tại đơn khởi kiện ngày 02/12/2022, các đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc M và là người đại diện theo ủy quyền của chị Lương Nguyễn Thiện Y trình bày:*

Trước đây do có sự quen biết nên bà M và chị Y (con bà M) có cho vợ chồng ông Tô Đình C và bà Tiêu Thúy K vay nhiều lần tiền, cụ thể như sau:

- Lần 1: Ngày 29/12/2021, ông C vay 300.000.000 đồng (có làm giấy nợ ngày 29/12/2021 do ông C viết và ký tên ghi nợ bà M).

- Lần 2: Ngày 22/5/2022, ông C vay 900.000.000 đồng (có làm giấy nợ ngày 22/5/2022 do ông C viết và ký tên ghi nợ bà M và chị Y). Hẹn ngày trả là ngày 24/8/2022.

- Lần 3: Ngày 26/9/2022, ông C vay 500.000.000 đồng (có làm giấy nợ ngày 26/9/2022 do ông C viết và ký tên ghi nợ bà M). Hẹn 10 ngày sau sẽ trả lại.

- Lần 4: Ngày 29/9/2022, ông C vay 800.000.000 đồng (có làm giấy nợ ngày 29/9/2022 do ông C viết và ký tên ghi nợ bà M và chị Y).

Tất cả 04 khoản vay nêu trên được tổng hợp lại bằng giấy nợ ngày 18/12/2022, ghi nợ bà M với số tiền là 2.500.000.000 đồng.

- Lần 5: Ngày 29/9/2022, ông C vay 150.000.000 đồng (có làm giấy nợ ngày 29/9/2022 do ông C viết và ký tên ghi nợ bà M), nhưng sau đó ngày 05/10/2022 có trả được 50.000.000 đồng tiền vốn, còn nợ lại giấy nợ này với số tiền là 100.000.000 đồng.

Tổng cộng 05 lần vay trên là 2.600.000.000 đồng, với lãi suất thỏa thuận miệng không ghi vào trong giấy nợ là 2,5% mỗi tháng, thời hạn trả nợ đều là cho mượn đỡ 10 ngày hoặc vài tháng trả lại (vì tình nghĩa quen biết trước đó), mục đích vay là để ông C làm vốn mua bán tôm ở xã T, huyện Đ để thu lợi nhuận phục vụ lợi ích gia đình, số tiền nêu trên bà M đã giao cho ông C đầy đủ, khi giao tiền là ở nhà của bà M, giao trực tiếp cho ông C, bà K có vài lần đi theo cùng.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông C chỉ đóng lãi được 03 tháng của số tiền vay 900.000.000 đồng, còn các khoản vay khác đều không đóng lãi. Tổng cộng còn nợ lại số tiền vốn gốc là 2.600.000.000 đồng.

- Lần 6: Vào ngày 18/12/2022, ông C có vay của bà M thêm số tiền là 140.000.000 đồng, cũng thỏa thuận lãi suất là 2,5% mỗi tháng, vay mượn đỡ thời gian ngắn. Hai bên có lập tờ giấy nợ tiền đề ngày 18/12/2022, chữ viết và chữ ký của ông C với nội dung là ông C còn nợ bà M số tiền là 291.650.000 đồng. Trong số tiền này có 140.000.000 đồng là tiền vốn vay, còn lại 151.650.000 đồng là khoản lãi vay của 04 lần vay với số tiền 2.500.000.000 đồng đã vay trước đó nên lập chung.

Quá trình làm việc, bà M thống nhất những giấy nợ nào ông C ghi nợ một mình bà M thì có trách nhiệm trả cho bà M, còn những giấy nợ nào ghi nợ bà M và chị Y thì phải có trách nhiệm trả cho cả hai. Đồng thời yêu cầu buộc trách nhiệm liên đới của bà K là vợ ông C, phải có trách nhiệm trả nợ với số tiền là 2.740.000.000 đồng. Cụ thể yêu cầu:

+ Ông Tô Đình C và bà Tiêu Thúy K phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ vay là 1.700.000.000 đồng cho bà Nguyễn Ngọc M và chị Lương Nguyễn Thiện Y và yêu cầu tính lãi suất từ ngày 18/12/2022 cho đến ngày xét xử (16/8/2023) với mức lãi suất là 1,66%/tháng.

+ Ông Tô Đình C và bà Tiêu Thúy K phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ vay là 1.040.000.000 đồng cho bà Nguyễn Ngọc M và yêu cầu tính lãi suất từ ngày 18/12/2022 cho đến ngày xét xử (16/8/2023) với mức lãi suất là 1,66%/tháng.

Tại phiên tòa, bà M xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi 151.650.000 đồng. Đồng thời về mức lãi suất, bà M và chị Ý thay đổi yêu cầu, nay chỉ yêu cầu tính lãi với mức lãi suất là 0,83%/tháng.

** Tại bản tự khai ngày 07/3/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn ông Tô Đình C, bà Tiêu Thúy K do ông Trần Chí T là đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Thống nhất là ông Tô Đình C có vay của bà Nguyễn Ngọc M và chị Lương Nguyễn Thiện Y các lần tiền cụ thể như nguyên đơn trình bày và số tiền vốn gốc ông Tô Đình C còn nợ bà M và chị Y là 2.600.000.000 đồng. Tuy nhiên, về lãi suất hai bên thỏa thuận là 6% mỗi tháng, vay có thỏa thuận thời hạn trả nợ, khoảng 10 ngày hoặc vài tháng; mục đích vay để làm ăn kinh doanh thu mua tôm cho hộ kinh doanh của ông C; ông C đã nhận đầy đủ số tiền gốc là 2.600.000.000 đồng. Ông C đóng lãi hàng tháng với mức lãi suất là 6%/tháng.

Hình thức trả lãi là trả tiền mặt nhưng không có làm giấy tờ và một số chuyển khoản, do thời gian đã lâu nên không nhớ đã đóng lãi được bao nhiêu, nay ông C không có yêu cầu gì đối với số tiền lãi đã đóng.

Đối với giấy nợ ghi ngày 18/12/202 với số tiền 291.650.000 đồng, đây là tiền nợ lãi (lãi suất 12%/tháng), không có tiền vốn gốc là 140.000.000 đồng như bà M trình bày. Tuy nhiên, bà M cũng thống nhất chỉ khởi kiện yêu cầu trả số tiền 140.000.000 đồng, xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi 151.650.000 đồng, nên ông C cũng thống nhất thừa nhận có nợ và đồng ý trả số tiền 140.000.000 đồng.

Vì vậy, tổng cộng ông C còn nợ bà M và chị Y là 2.740.000.000 đồng, nhưng ông C thống nhất với nguyên đơn là những giấy nợ nào ông C ghi nợ một mình bà M thì có trách nhiệm trả cho bà M, còn những giấy nợ nào ghi nợ bà M và chị Y thì ông có trách nhiệm trả cho cả hai. Cụ thể như sau:

+ Ông C đồng ý trả số tiền vay là 1.700.000.000 đồng cho bà Nguyễn Ngọc M và chị Lương Nguyễn Thiện Y và đồng ý tính lãi suất từ ngày 18/12/2022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất là 0,83%/tháng.

+ Ông C đồng ý trả số tiền vay là 1.040.000.000 đồng cho bà Nguyễn Ngọc M và đồng ý tính lãi suất từ ngày 18/12/2022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất là 0,83%/tháng.

Riêng trách nhiệm liên đới là ông C và bà K không đồng ý vì ông C vay tiền nhằm mục đích thu mua tôm cho cơ sở kinh doanh cá thể mua bán thực phẩm có đăng ký kinh doanh đứng tên của ông, hơn nữa vợ chồng ông C, bà K đã ly thân từ đầu năm 2022 cho đến nay, mỗi người tự thành lập cơ sở kinh doanh riêng. Bà K không có vay tiền gì của bà M hay chị Ý và không biết việc ông C vay tiền của bà M, chị Y. Vì vậy, bà K không đồng ý có nghĩa vụ liên đới với ông C để trả nợ cho nguyên đơn.

Do hòa giải không thành nên Tòa án nhân dân huyện Đ đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 62/2023/DS-ST ngày 16/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bến Tre, tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc M đối với ông Tô Đình C và bà Tiêu Thúy K về số tiền nợ lãi 151.650.000 đồng.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc Mười và chị Lương Nguyễn Thiện Ý đối với ông Tô Đình C và bà Tiêu Thúy K về việc "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản".

3. Buộc ông Tô Đình C và bà Tiêu Thúy K phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Ngọc M và chị Lương Nguyễn Thiện Ý số tiền nợ vay là 1.812.880.000 đồng. Trong đó:

+ Vốn gốc: 1.700.000.000 đồng.

+ Tiền lãi: 112.880.000 đồng.

4. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc M đối với ông Tô Đình C và bà Tiêu Thúy K về việc "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản".

5. Buộc ông Tô Đình C và bà Tiêu Thúy K phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Ngọc M số tiền nợ vay là: 1.109.056.000 đồng. Trong đó:

+ Vốn gốc: 1.040.000.000 đồng.

+ Tiền lãi: 69.056.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 25/8/2023, bị đơn bà Tiêu Thúy K có đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 62/2023/DS-ST ngày 16/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bến Tre yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết vụ án theo hướng không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà K có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

** Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Trần Chí T trình bày:*

Bà K kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không buộc bà K có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho nguyên đơn.

** Nguyên đơn và là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn khác (chị Lương Nguyễn Thiện Y) là bà Nguyễn Ngọc M trình bày:*

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ y bản án sơ thẩm.

** Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Tiêu Thúy K, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 62/2023/DS-ST ngày 16/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bến Tre.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, xét kháng cáo của bị đơn bà Tiêu Thúy K và đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc M, chị Lương Nguyễn Thiện Y khởi kiện yêu cầu ông Tô Đình C, bà Tiêu Thúy K có nghĩa vụ liên đới trả cho bà M, chị Y số tiền nợ vay là 1.812.880.000 đồng (gồm tiền gốc là 1.700.000.000 đồng và tiền lãi là 112.880.000 đồng) và liên đới trả cho bà M số tiền nợ vay là 1.109.056.000 đồng (gồm tiền gốc là 1.040.000.000 đồng và tiền lãi 69.056.000 đồng). Bị đơn ông C thừa nhận số tiền nợ trên và đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc cùng số tiền lãi tính từ ngày 18/12/2022 đến khi xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 0,83%/tháng, riêng bà K kháng cáo không đồng ý nghĩa vụ liên đới cùng ông C trả nợ cho nguyên đơn vì bà cho rằng bà và ông C có mâu thuẫn tình cảm, sống ly thân và ở riêng từ tháng 01/2022 đến nay, vì vậy việc làm ăn kinh tế các bên đã tự tách ra để thành lập cơ sở kinh doanh riêng và bà không liên quan gì đến số tiền nợ vay này của ông C.

[2] Xét thấy, ông C và bà K đăng ký kết hôn vào năm 2007 và hiện nay ông C, bà K vẫn còn trong thời kỳ hôn nhân hợp pháp. Số tiền ông C vay của nguyên đơn nêu trên là phát sinh trong thời kỳ hôn nhân hợp pháp của ông C, bà K. Bà K cho rằng bà và ông C đã tự tách ra đề thành lập cơ sở kinh doanh riêng, cụ thể ông C thành lập "Hộ kinh doanh Tô Đình C" vào ngày 14/7/2022, bà K thành lập Công ty TNHH một thành viên có tên "Công ty TNHH thủy sản Tô C" vào ngày 10/01/2020, tuy nhiên, theo các giấy nợ vay thì số tiền mà ông C vay của nguyên đơn đã phát sinh từ tháng 12/2021, đồng thời căn cứ vào giấy mượn tiền ngày 18/12/2022 và quá trình giải quyết vụ án, ông C thừa nhận mục đích ông vay tiền của nguyên đơn là để làm vốn mua bán tôm là phù hợp với ngành nghề kinh doanh mua bán thủy sản của vợ chồng ông bà để nhằm mục đích phát triển kinh tế gia đình. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông C, bà K liên đới trả cho bà M, chị Y số tiền nợ vay là 1.812.880.000 đồng và liên đới trả cho bà M số tiền nợ vay là 1.109.056.000 đồng là có căn cứ. Bà K kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không được chấp nhận.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Từ những nhận định trên, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Tiêu Thúy K, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 62/2023/DS-ST ngày 16/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bến Tre.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn bà Tiêu Thúy K phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tuyên xử:

- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Tiêu Thúy K.

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 62/2023/DS-ST ngày 16/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bến Tre. Cụ thể:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 470; 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 27, 30, khoản 2 Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc M đối với ông Tô Đình C và bà Tiêu Thúy K về số tiền nợ lãi 151.650.000đ (Một trăm năm M mốt triệu sáu trăm năm M nghìn đồng).

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc M và chị Lương Nguyễn Thiện Y đối với ông Tô Đình C và bà Tiêu Thúy K về việc "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản".

3. Buộc ông Tô Đình C và bà Tiêu Thúy K phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Ngọc M và chị Lương Nguyễn Thiện Y số tiền nợ vay là 1.812.880.000đ (Một tỷ tám trăm mười hai triệu tám trăm tám M nghìn đồng). Trong đó:

+ Vốn gốc: 1.700.000.000đ (Một tỷ bảy trăm triệu đồng).

+ Tiền lãi: 112.880.000đ (Một trăm mười hai triệu tám trăm tám M nghìn đồng).

4. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc M đối với ông Tô Đình C và bà Tiêu Thúy K về việc "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản".

5. Buộc ông Tô Đình C và bà Tiêu Thúy K phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Ngọc M số tiền nợ vay là: 1.109.056.000đ (Một tỷ một trăm lẻ chín triệu không trăm năm M sáu nghìn đồng). Trong đó:

+ Vốn gốc: 1.040.000.000đ (Một tỷ không trăm bốn M triệu đồng).

+ Tiền lãi: 69.056.000đ (Sáu M chín triệu không trăm năm M sáu nghìn đồng).

6. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

7. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 3362/2023/QĐ-BPKCTT ngày 05/10/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ".

8. Về án phí dân sự:

8.1. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Ông Tô Đình C và bà Tiêu Thúy K phải có nghĩa vụ liên đới chịu số tiền là 111.658.080đ (Một trăm mười một triệu sáu trăm năm mươi tám nghìn không trăm tám mươi đồng) nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bến Tre.

- Bà Nguyễn Ngọc M và chị Lương Nguyễn Thiện Y được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 45.165.000đ (Bốn M lăm triệu một trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002056 ngày 06/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bến Tre.

- Bà Nguyễn Ngọc M được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.043.000đ (Tám triệu không trăm bốn mươi ba nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002120 ngày 07/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bến Tre.

8.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Tiêu Thúy K phải chịu là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ theo biên lai thu số 0007525 ngày 25/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- TAND huyện Đ (1b);
- Chi cục THADS huyện Đ (1b);
- Phòng KTNV và THA; VP (3b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu hồ sơ (1b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Minh Đạt